TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30- 9- 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thoa

Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huấn - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:104/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N - sinh năm 1992

Trú tại: Thôn Quý Vinh, xã H, huyện H, tỉnh T

(Vắng mặt có lý do)

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Tấn - sinh năm 1984

Trú tại: SN 45 đường Lê Lợi, khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2022 và bản tự khai nguyên đơn- chị Trịnh Thị Ngân trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà V, huyện

Hà T, tỉnh T năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, trong cách nghĩ, cách sống đều khác nhau, không ai nhường nhịn ai, mục đích hôn nhân không đạt được.Vợ chồng đã ly thân 4 năm nay, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay, chị xét thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: Hoàng Văn T(giới tính: nam) sinh ngày 14/12/2009, cháu thứ hai tên là: Hoàng Văn T(giới tính: Nam) sinh ngày 27/02/2015. Nêu ly hôn chị xin được nuôi cháu Hoàng Văn T, giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2022 anh Hoàng Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh T ngày 11/01/2010. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, không ai nhường nhịn ai, không tôn trọng lẫn nhau, trong cách nghĩ, cách sống đều khác nhau. Vì mâu thuẫn quá trầm trọng nên vợ chồng ly thân đã 4 năm nay chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở và từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Nay, anh xét thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên nếu chị N đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: Hoàng Văn T(giới tính: nam) sinh ngày 14/12/2009, cháu thứ hai tên là: Hoàng Văn T(giới tính: Nam) sinh ngày 27/02/2015. Nêu ly hôn anh xin được nuôi cháu Hoàng Văn T, giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 08/9/2022 ông trưởng khu phố 5, phường Đ cung cấp: Chị Trịnh Thị N và anh Hoàng Văn T là vợ chồng hợp pháp. Trước đây anh chị cùng sinh sống tại số nhà 45 đường Lê Lợi, khu phố 5, phường Đ. Trong quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn do phát sinh từ vấn đề khó khăn về kinh tế và bất đồng quan điểm sống, lối sống. Sau đó hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động và sống xa nhau từ đó đến nay. Hiện nay cả hai anh chị đã quay về nước, nhưng chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q, xã Hà V, huyện Hà T ở.

Vợ chồng anh T, chị N có 02 con chung. Cháu lớn đã được chị N đưa về nhà ông bà ngoại ở cùng chị, còn cháu nhỏ đang ở cùng bố và ông bà nội tại khu phố 5, phường Đ. Nên ông cung cấp thông tin trên để Tòa án có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 12/9/2022 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số:104/TB-TA ngày 06/9/2022. Tuy nhiên chị Trịnh Thị N và anh Hoàng Văn T đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã B tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trịnh Thị N và anh Hoàng Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị N và anh Hoàng Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238/ Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ngân

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn T
- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: Hoàng Văn T(giới tính: nam) sinh ngày 14/12/2009, cháu thứ hai tên là: Hoàng Văn T(giới tính: Nam) sinh ngày 27/02/2015. Giao cháu giao cháu Hoàng Văn T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Văn T cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị Trịnh Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Trịnh Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

Chị Trịnh Thị N và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hà Vinh, huyện H, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau, trong cách nghĩ, cách sống đều khác nhau ,chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N cương quyết xin ly hôn anh T. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân 4 năm nay nên anh cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N và anh T xử cho chị N được ly hôn với anh Tấn là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: Hoàng Văn T (giới tính: nam) sinh ngày 14/12/2009, cháu thứ hai tên là: Hoàng Văn T(giới tính: Nam) sinh ngày 27/02/2015. Xét nguyện vọng của cháu T và cháu T xin được ở với mẹ. HĐXX thấy, cần xem xét điều kiện, hoàn cảnh của vợ chồng để giao con, đảm bảo điều kiện cho các con được phát triển toàn diện và tốt nhất. Hiện nay cháu T đang ở với mẹ, có sự hỗ trợ chăm sóc của bà ngoại và đang học tại trường trung học cơ sở Hà Vinh, cháu T đang ở với bố, có sự hỗ trợ chăm sóc của bà nội và học tại trường tiểu học Lam Sơn 3. Các cháu hiện đang học và sinh hoạt ổn định. Vì vậy, xét yêu cầu của anh T xin nuôi dưỡng cháu T và chị N xin nuôi dưỡng cháu T là hoàn toàn phù hợp. Vì vậy, cần giao cháu T cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu, giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị N phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm

Sơn ngày 29/8/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/ 0005202. Chị Trịnh Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị N

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn T.
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Hoàng Văn T(giới tính: nam) sinh ngày 14/12/2009 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Văn T(giới tính: Nam) sinh ngày 27/02/2015 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị N phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Ngân đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn ngày 29/8/2022 theo biên lai thu số:AA/2021/0005202. Như vậy, chị Trịnh Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trịnh Thị N và anh Hoàng Văn T. Chị N, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- *VKSND thị xã Bỉm Sơn;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Hà V, huyện H(ĐK 11/01/2010)*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.*
- *THA Dân sự thị xã Bỉm Sơn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỐNG THỊ HÀ